

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14/01/2025

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Long và ông Nguyễn Ngọc Chân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phan Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/12/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Tô Văn T – sinh năm 1973, nơi thường trú: Dân P, Xuân P, Sông C, Phú Yên. Có mặt.

Bị đơn: Chị Đoàn Thị L - sinh năm 1973, nơi thường trú: Dân P, Xuân P, Sông C, Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1994 anh T với chị L đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Tuy nhiên, đã thất lạc mất giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, nay không xin lại được, nên mới ghi vào đơn khởi kiện là không đăng ký kết hôn. Cuối năm 1995 thì vợ chồng chuyển về Sông C sinh sống cho đến nay. Mấy năm nay thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, nên nay anh T xin được ly hôn với chị L.

Về con chung: Có 08 con chung gồm: Tô Quốc T1 – sinh năm 1995, Tô Thị P1 - sinh năm 1997, Tô Quốc C – sinh năm 2001, Tô Quốc P2 – sinh năm 2003, Tô Quốc B – sinh năm 2005, Tô Văn T2 - sinh ngày 10/3/2007, Tô Đình M – sinh ngày 17/8/2009 và Tô Đoàn L1 – sinh ngày 25/5/2017. Các con Tô Quốc T1, Tô Thị P1, Tô Quốc C, Tô Quốc P2 và Tô Quốc B đều trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Các con Tô Văn T2, Tô Đình M và Tô Đ có nguyện vọng ở với anh T nên anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con. Không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi

con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo các lời khai có tại hồ sơ, bị đơn trình bày.

Về hôn nhân: Chị L thống nhất như anh T trình bày, nay mỗi người mong muốn có cuộc sống riêng nên thống nhất ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 08 con chung như anh T trình bày. Các con Tô Văn T2, Tô Đình M và Tô Đ đều có nguyện vọng ở với cha nên chị L thống nhất giao các con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án đã được Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn không công nhận anh T với chị L là vợ chồng. Giao các con Tô Văn T2, Tô Đình M và Tô Đoàn L1 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh T có đơn xin ly hôn với chị L cư trú tại thị xã S tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về hôn nhân: Theo lời trình bày của anh T và chị L thì năm 1994 hai người có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND thị trấn B, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Tuy nhiên, sau này đã thất lạc mất giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, nay không còn tài liệu chứng cứ gì để chứng minh việc có đăng ký kết hôn vào năm 1994, nên ghi vào đơn khởi kiện là không đăng ký kết hôn. Cuối năm 1995 thì vợ chồng anh T và chị L chuyển về Sông C sinh sống cho đến nay, không có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, thị xã S. Mấy năm nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, hiện mỗi người có cuộc sống riêng, nên anh T xin được ly hôn với chị L và chị L cũng thống nhất ly hôn với anh T. Theo kết quả xác nhận của UBND phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (nơi lưu trữ tài liệu đăng ký kết hôn của UBND thị trấn B cũ) và UBND xã X, thị xã S thì không có thông tin về việc đăng ký kết hôn giữa anh T với chị L. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình

năm 2014 thì anh T với chị L chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nay có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

[4] Về con chung: Anh T và chị L thống nhất thoả thuận giao các con Tô Văn T2, Tô Đình M và Tô Đoàn L1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Các con Tô Văn T2, Tô Đình M và Tô Đ cũng có nguyện vọng ở với anh T. Xét, sự thoả thuận này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với các con đã trưởng thành không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 15, 51, 53, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tô Văn T.

[1] Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Tô Văn T với chị Đoàn Thị L.

[2] Về con chung: Anh Tô Văn T trực tiếp nuôi dưỡng Tô Văn T2 - sinh ngày 10/3/2007, Tô Đình M – sinh ngày 17/8/2009 và Tô Đoàn L1 – sinh ngày 25/5/2017. Chị Đoàn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Đoàn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Tô Văn T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 701 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Sông Cầu;
- Chi cục THADS thị xã Sông Cầu;
- UBND xã Xuân Phương, thị xã Sông Cầu (cập nhật hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Triều